

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ R
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày: 28/01/2022

“*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhuận

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2021/TLST- DS ngày 03 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ trụ sở: thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà A, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông C, chức vụ: Phó Trưởng phòng KHCN-KHDN – Ngân hàng A – Chi nhánh Bạc Liêu. Theo văn bản ủy quyền số 1150/UQ-CNBL ngày 12/7/2021. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Đồng bị đơn:

1. Ông B, sinh năm 1978 (yêu cầu được xét xử vắng mặt)

2. Bà D, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Khóm X, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/01/2021, các lời khai trong hồ sơ nguyên đơn Ngân hàng A – Người đại diện theo ủy quyền ông C trình bày: Ngày 25/9/2018 Ngân hàng A cùng ông B và bà D có ký hợp đồng tín dụng số 087/18/HĐTD/0200-4230, số tiền vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi trong hạn là 13,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Phạt chậm trả lãi bằng 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với số ngày chậm trả lãi. Mục đích vay bổ sung vốn mua bán hải sản tươi sống. Để đảm bảo cho khoản vay ông B và bà D thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 087/18/HĐTC-BDS/0200-4230 ngày 25/9/2018 là quyền sử dụng đất diện tích 104,1m², thuộc thửa 290, tờ bản đồ 47 đất tọa lạc tại Ấp X, thị trấn H, huyện Rai (nay là Khóm X, Phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu), được Ủy ban nhân dân huyện R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B ngày 09/02/2012. Hợp đồng thế chấp được chứng thực tại Văn phòng công chứng X và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/9/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã R.

Hợp đồng tín dụng đã hết hạn thanh toán nhưng ông B, bà D không thanh toán đầy đủ vốn gốc và lãi cho Ngân hàng, người vay đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông B, bà D phải thanh toán cho ngân hàng số tiền vốn gốc vay 100.000.000 đồng; lãi quá hạn phát sinh tính đến ngày 18/01/2021 là 8.607.123 đồng và lãi phát sinh từ ngày 19/01/2021 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/7/2021 ông C là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác định, trong quá trình giải quyết vụ án bà D và ông B đã thanh toán 35.000.000 đồng cho Ngân hàng. Do đó, căn cứ bảng kê lãi theo hợp đồng ngày 28/01/2022, Ngân hàng A tiếp tục yêu cầu bà D và ông B tiếp tục thanh toán số vốn vay là 65.000.000 đồng và 9.518.137 đồng tiền lãi tính đến ngày 28/01/2022, tổng là 74.518.137 đồng.

Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông B, bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng A.

Bị đơn ông B và bà D trình bày: Bà D và ông B thống nhất với nội dung đơn khởi kiện cũng như lời trình bày của đại diện Ngân hàng A liên quan đến hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và số tiền mà vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng A. Tuy

nhiên, bà D và ông B yêu cầu được trả dần nợ cho Ngân hàng do hiện tại kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt nên áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A; buộc ông B, bà D trả số tiền vay và lãi tính đến ngày 28/01/2022 là 74.518.137 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông B và bà D cùng cư trú tại Khóm X, Phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông C và bị đơn ông B có yêu cầu được xét xử vắng mặt; bà D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Căn cứ hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ của ông Lâm Mệnh và bà D, đủ cơ sở xác định Ngân hàng A đã cho B và bà D số tiền vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi trong hạn là 13,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng

150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Phạt chậm trả lãi bằng 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với số ngày chậm trả lãi. Căn cứ bản sao kê theo dõi của Ngân hàng A, hợp đồng tín dụng đã hết hạn thanh toán nhưng ông B, bà D không thanh toán đủ vốn gốc và lãi nên ông B, bà D đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng A. Do đó, Ngân hàng A khởi kiện đối với ông B và bà D là có căn cứ.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A thì bà D và ông B hoàn toàn thống nhất. Bà D, ông B thống nhất số tiền còn nợ Ngân hàng A vốn gốc là 65.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/7/2021 là 2.252.384 đồng. Tuy nhiên, bà D yêu cầu Ngân hàng cho bà D và ông B được trả dần hàng tháng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà D và ông B trả cho Ngân hàng A số tiền 74.518.137 đồng (trong đó vốn gốc là 65.000.000 đồng; tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/01/2022 là 9.518.137 đồng). Đồng thời chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A về việc tính lãi phát sinh từ ngày 29/01/2022 cho đến khi ông B và bà D thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

[3.3] Để bảo đảm cho khoản tiền vay, ông B và bà D đã ký hợp đồng thế chấp số 087/18/HĐTC-BĐS/0200-4230 ngày 25/9/2018 là quyền sử dụng đất diện tích 104,1m², thuộc thửa 290, tờ bản đồ 47 đất tọa lạc tại Ấp 1, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai (nay là Khóm X, Phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu), được Ủy ban nhân dân huyện R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B ngày 09/02/2012. Hợp đồng thế chấp được chứng thực tại Văn phòng công chứng X và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/9/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã R đúng theo quy định của pháp luật.

[3.4] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tài sản thế chấp là diện tích đất 104,1m² tại thửa số 290 tờ bản đồ số 47, trên đất có tài sản gắn liền gồm căn nhà chính chiều ngang mặt trước 4,7m; chiều ngang mặt sau dài 7,3m; chiều dài 12,6m; tổng diện tích 71,18m². Nhà và đất hiện tại do bà D đang trực tiếp quản lý sử dụng. Theo các điều khoản thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp thì bên vay là ông B, bà D thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay tiền đối với Ngân hàng. Vì vậy, tất cả tài sản này được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng trong trường hợp bà D và ông B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng A theo quy định tại các 298, 299, 317 và 325 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, 95, 96 Luật các Tổ chức tín dụng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông B và bà D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng A không phải chịu án phí.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã chi hết 600.000 đồng: Ngân hàng A đã dự nộp 1.000.000 đồng, Ngân hàng A đã nhận lại 400.000 đồng tại phiếu chi ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai. Căn cứ Điều 157 và Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ông B và bà D phải chịu, do đó buộc ông B, bà D có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 600.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 227, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 325, Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, 95, 96 Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông B và bà D về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông B và bà D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền 74.518.137 đồng (Bảy mươi bốn triệu năm trăm mười tám nghìn một trăm ba mươi bảy đồng). Trong đó, tiền nợ gốc 65.000.000 đồng, tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 28/01/2022 là 9.518.137 đồng.

Kể từ ngày 29/01/2022 ông B và bà D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông B và bà D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, ông B và bà D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ

quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 290 tờ bản đồ số 47, diện tích 104,1m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 397465 do Ủy ban nhân dân huyện R (nay là thị xã R) cấp cho ông B ngày 09/02/2012.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng): Buộc ông B và bà D có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông B và bà D cùng phải chịu 3.707.906 đồng (Ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn chín trăm lẻ sáu đồng).

5.2. Án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng A không phải chịu, Ngân hàng A đã dự nộp tạm ứng án phí 2.715.000 đồng, tại Biên lai thu số: 0002337 ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã R, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy